

Số: 55/TB-UBND

Hoàng Tân, ngày 17 tháng 08 năm 2023

THÔNG BÁO

Niêm yết công khai quyết toán thu, chi ngân sách năm 2022

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2022 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 87/QĐ-UBND ngày 16/08/2023 của UBND phường Hoàng Tân về việc công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2022;

Nay UBND phường Hoàng Tân thông báo về việc niêm yết công khai quyết toán thu, chi ngân sách năm 2022 cụ thể như sau:

1/ Thời gian niêm yết công khai quyết toán thu, chi ngân sách năm 2022 kể từ hồi 8 giờ 00 phút ngày 18 tháng 08 năm 2023 đến 8 giờ 00 phút ngày 18 tháng 09 năm 2023

2/ Địa điểm niêm yết công khai tại: Phòng một cửa của UBND phường Hoàng Tân và Cổng thông tin điện tử phường Hoàng Tân

Nội dung này được thông báo trên đài truyền thanh phường

Ủy ban nhân dân phường yêu cầu công chức Kế toán - ngân sách phường, Đài truyền thanh phường, Trưởng các khu dân cư thông báo tới toàn thể cán bộ, công chức cơ quan và nhân dân được biết./.

Nơi nhận:

- TT Đảng ủy, TT HĐND phường;
- Lãnh đạo UBND phường;
- MTTQ và các đoàn thể phường;
- Đài TT phường;
- Trưởng các KDC;
- Lưu VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Cáp

Đơn vị: UBND phường Hoàng Tân

Chương:

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 87/QĐ-UBND ngày 16/08/2023 của UBND phường Hoàng Tân)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	20,486	20,486	0	
I	Số thu phí, lệ phí	20,486	20,486	0	
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại				
1	Chi sự nghiệp				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	20,486	20,486	0	
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	41.282,201	41.282,201	0	
I	Nguồn ngân sách trong nước	41.282,201	41.282,201	0	
1	Chi quản lý hành chính	16.820,848	16.820,848	0	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	4.329,108	4.329,108	0	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	12.491,740	12.491,740	0	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	1.861,700	1.861,700	0	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	11,700	11,700		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.850,000	1.850,000	0	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	15,784	15,784		
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	15,784	15,784		
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội	1.010,697	1.010,697	0	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	508,924	508,924		
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	501,773	501,773	0	
6	Chi hoạt động kinh tế	18.567,669	18.567,669	0	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	210,082	210,082		
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	18.357,587	18.357,587	0	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	30,000	30,000	0	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	30,000	30,000		
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			0	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	2.888,051	2.888,051	0	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	75,400	75,400		
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2.812,651	2.812,651	0	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	67,390	67,390	0	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	67,390	67,390		
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			0	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	20,063	20,063		

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	20,063	20,063		
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				

